TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1165**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/12/2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Lê Đình Tiến
2/ Bà Đỗ Thị Thu Hương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Hoàng Phi Yến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, TP . Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Linh Trang – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 715/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 454/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Hữu L, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: 4 Â, Phường I, quận T, TP .

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: 4 Â, Phường I, quận T, TP .
Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy Phú Nghĩa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Hữu L trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện đi đến hôn nhân, kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 161/P.09, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường I, quận T cấp ngày 14/8/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng nhau tại nhà số D Â, phường I, quận T. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, có sự khác biệt trong lối sống, trong suy nghĩ, trong sinh hoạt hằng ngày. Hai bên đã nhiều lần ngồi lại trao đổi với nhau để tìm cách giải quyết những mâu thuẫn hằng ngày, nhưng rồi mọi việc cũng không có kết quả, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Xét thấy, mục

đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, ông mong Toà án xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà H, chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Xuân T, ngày 07/3/2009, hiện ông đang trực tiếp nuôi dưỡng nên ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Trần Hữu L kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 161/P.09, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường I, quận T cấp ngày 14/8/2008. Đối với yêu cầu ly hôn của ông L bà cũng đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho hai người được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Xuân T, sinh ngày 07/3/2009, bà đồng ý giao con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Do bà đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn ông Trần Hữu L có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Hữu L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Hữu L xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H cư trú tại 4 Â, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là vụ án "Ly hôn", bị đơn cư trú tại quận T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Hữu L và bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông bà là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 161/P.09, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường I, quận T cấp ngày 14/8/2008 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Hữu L và bà Nguyễn Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà H, vì mâu thuẫn kéo dài, hôn nhân thực tế không còn, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ nên khả năng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với ông L, và có yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa ông L và bà H đã thật sự trầm trọng, hai bên cũng thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L là có căn cứ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Xuân T, sinh ngày 07/3/2009, hiện đang do ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên đều thống nhất để ông L tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, để không làm xáo trộn cuộc sống của con chung nên giao trẻ T cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ T là muốn ở với ba nên ghi nhận. Do ông L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà H.

Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

[4] Về án phí: Ông L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Hữu L.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hữu L được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Ông Trần Hữu L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Xuân T, sinh ngày 07/3/2009, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị H do ông L không có yêu cầu.

* Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Trần Hữu L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0031843 ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, TP . Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Vân